

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-PT

Ngày: 17 - 01 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 335/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh N, sinh năm 1956 tại Campuchia. Nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị T1 (chết); có vợ và 05 con; tiền án, tiền sự không có; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh N và bà Lê Thị T2; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Ngày 09/02/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm xử phạt 05 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, được đặc xá ngày 30/8/2013; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Đỗ Thành S và bà Hồ Thị Xuân H1, là Luật sư Văn phòng luật sư X thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 10 phút ngày 23/4/2019, Tổ kiểm soát phối hợp gồm Chi cục Hải quan cửa khẩu Thường Phước, Chi cục Hải quan Sở Thượng và Trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Thường Phước tuần tra kiểm soát trên Sông Tiền tại khu vực cửa khẩu Thường Phước, cách đường biên giới khoảng 500m và cách bờ sông khoảng 200m (trong phạm vi hoạt động của Chi cục Hải quan cửa khẩu Thường Phước), thuộc khu vực ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp thì phát hiện một chiếc ghe gỗ ký hiệu K3x, trọng tải khoảng 70 tấn do Nguyễn Văn T điều khiển đi từ hướng Campuchia về Việt Nam qua cửa khẩu Thường Phước không trình báo có biểu hiện nghi vấn vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới nên Tổ kiểm soát yêu cầu dừng phương tiện kiểm tra. Lúc này trên ghe chở lúa hạt (đổ xả trong khoang) và một số gỗ để trên cabin và mũi ghe do bị cáo T vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam qua cửa khẩu Thường Phước không làm thủ tục nhập khẩu, không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của số lúa, gỗ nói trên.

Tổ kiểm soát tiến hành lập hồ sơ vi phạm hành chính, tạm giữ phương tiện và tang vật. Qua xác minh, xét thấy có dấu hiệu tội phạm nên chuyển hồ sơ kiến nghị khởi tố đến Cơ quan điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Lúa hạt, chủng loại 504, số lượng 47.800kg, chưa phơi khô.
- Gỗ 4,015m³ và 110kg, trong đó gồm 17 tấm gỗ xẻ phách, hình khối chữ nhật, loại gỗ nhóm V-VI: 3,145m³; 07 đoạn gỗ hình trụ tròn, loại gỗ nhóm V-VI: 0,706m³; 01 tấm gỗ Gỗ đỏ, hình khối chữ nhật: 0,07m³; 01 mặt bàn hình tròn, gỗ Giáng hương: 0,094m³; 01 gốc cây, loại gỗ Giáng hương: 110kg.
- 01 phương tiện ghe gỗ, ký hiệu K3x, chiều dài 18,5m, chiều rộng 4,5m, chiều cao 2,7m, phương tiện không có giấy đăng ký, không biển kiểm soát, đã qua sử dụng.
- 01 máy nổ, ký hiệu D6 BRMR 03033, loại 6 máy, không rõ nước sản xuất, đã qua sử dụng.

Tại biên bản xác định trị giá hàng hóa, tang vật vi phạm ngày 26/4/2019 của Chi cục Hải quan cửa khẩu Thường Phước, xác định trị giá 47.800kg lúa hạt x 4.500 đồng = 215.100.000 đồng.

Ngày 22/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, bán đấu giá đối với 47.800kg lúa hạt, chủng loại 504, chưa phơi khô. Do là loại hàng hóa mau hỏng nên lực lượng Hải quan đã tiến hành phơi khô và bàn giao cho Cơ quan điều tra với khối lượng còn lại 46.500kg bán đấu giá theo quy định. Số tiền bán đấu giá 203.940.000 đồng, khấu trừ các khoản chi phí còn lại 196.198.000 đồng được gửi vào tài khoản tạm giữ số 3713.0.9046316.00000 của Công an huyện N mở tại kho bạc Nhà nước N.

Ngày 24/5/2019 Cơ quan điều tra phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện N, Chi cục Hải quan cửa khẩu Thường Phước, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đồng Tháp, Viện kiểm sát nhân dân huyện N tiến hành kiểm tra sắc mộc gỗ bị tạm giữ và xác định giá trị của từng loại gỗ, kết quả kiểm tra xác định như sau:

- 17 tấm gỗ xẻ phách, hình khối chữ nhật, loại gỗ nhóm V-VI: $3,145\text{m}^3$, có sắc mộc giống nhau, thuộc loại gỗ thông thường (gỗ tạp). Trị giá 12 triệu/ m^3 .

- 07 đoạn gỗ hình trụ tròn, loại gỗ nhóm V-VI: $0,706\text{m}^3$, có sắc mộc giống nhau, tên Campuchia là Cà Sét, thuộc loại gỗ thông thường. Trong đó có 04 đoạn Cà Sét vàng và 03 đoạn Cà Sét đen. Trị giá mỗi đoạn gỗ là 500.000 đồng.

- 01 tấm gỗ gỗ đỏ, hình khối chữ nhật: $0,706\text{m}^3$. Trị giá 7.000.000 đồng.

- 01 mặt bàn hình tròn, gỗ Gõ mật: $0,094\text{m}^3$. Trị giá 10.000.000 đồng.

- 01 gốc cây, loại gỗ Giáng hương: 110kg. Trị giá 6.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 06/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 27/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, kết luận:

1. Gỗ xẻ phách, hình khối chữ nhật, loại gỗ nhóm V-VI (gỗ tạp), $3,145\text{m}^3$ x 12.000.000 đồng = 37.740.000 đồng.

2. Gỗ hình trụ tròn, loại gỗ nhóm V-VI tên Campuchia là Cà sét (gỗ thông thường), trong đó có 04 đoạn Cà Sét vàng và 03 đoạn Cà Sét đen, 07 đoạn x 500.000 đồng = 3.500.000 đồng.

3. Gỗ Gỗ đỏ, hình khối chữ nhật $0,07\text{m}^3$, 01 tấm x 7.000.000 đồng = 7.000.000 đồng.

4. Gỗ Gõ mật, hình tròn $0,094\text{m}^3$, 01 tấm x 10.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

5. Gốc cây gỗ Giáng hương trọng lượng 110kg, 01 gốc x 6.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

6. Lúa hạt (chủng loại 504) 47.800kg x 4.500 đồng = 215.100.000 đồng.

Tổng cộng: 279.340.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước

- Số tiền bán đấu giá 46.500kg lúa hạt, khấu trừ chi phí bán đấu giá còn lại 196.198.000 đồng, được gửi vào tài khoản tạm giữ số 3713.0.9046316.00000 của Công an huyện N tại kho bạc Nhà nước N.

- Số gỗ 4,015m³ và 110kg, trong đó gồm: 17 tấm gỗ xẻ phách, hình khối chữ nhật, loại gỗ nhóm V-VI: 3,145m³; 07 đoạn gỗ hình trụ tròn, loại gỗ nhóm V-VI: 0,706m³; 01 tấm gỗ Gõ đỏ, hình khối chữ nhật: 0,07m³; 01 mặt bàn hình tròn, gỗ Giáng hương: 0,094m³; 01 gốc cây, loại gỗ Giáng hương: 110kg.

- 01 phương tiện ghe gỗ, ký hiệu K3x, chiều dài 18,5m, chiều rộng 4,5m, chiều cao 2,7m, phương tiện không có giấy đăng ký, không biển kiểm soát, đã qua sử dụng.

- 01 máy nổ, ký hiệu D6 BRMR 03033, loại 6 máy, không rõ nước sản xuất, đã qua sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2019/HS-ST ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 188, điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Buôn lậu”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 189, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 01/11/2019 bị cáo Nguyễn Thanh N kháng cáo xin được hưởng án treo và cung cấp bản sao Huân chương kháng chiến của ông Nguyễn Văn T3; bản sao Huân chương kháng chiến của bà Nguyễn Thị T4; bản photo quyết định số 178/QĐ-PV ngày 27/8/1982 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh An Giang đối với Nguyễn Thanh N, đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ; bản photo Quyết định số 99/QĐ-BTL ngày 26/03/2010 của Bộ Tư lệnh Quân khu 9 cho ông Nguyễn Thanh N; bản photo kết quả X - Quang ngày 29/10/2019, bệnh nhân Nguyễn Thanh N; bản photo giấy ra viện ngày 25/9/2019, bệnh nhân Lê Thị T2.

Ngày 05/11/2019 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin được hưởng án treo và có cung cấp bản sao Huân chương kháng chiến của ông Nguyễn Văn T3; bản sao Huân chương kháng chiến của bà Nguyễn Thị T4; bản photo quyết định số 178/QĐ-PV ngày 27/8/1982 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh An Giang đối với Nguyễn Thanh N, đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ; bản photo Quyết định số 99/QĐ-BTL ngày 26/03/2010 của Bộ Tư lệnh Quân khu 9 cho ông Nguyễn Thanh N; bản photo kết quả X - Quang ngày 29/10/2019, bệnh nhân Nguyễn

Thanh N và bản photo giấy ra viện ngày 25/9/2019, bệnh nhân Lê Thị T2; đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính của bị cáo T và biên lai thu tiền số 004801 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, ghi nhận Nguyễn Văn T có nộp 200.000 đồng tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thanh N không rút kháng cáo, bị cáo N thừa nhận hành vi vi phạm và đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù là nặng nên bị cáo N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, vì hiện nay bị cáo đã cao tuổi và đang bệnh thoái hóa đốt sống lưng; vợ bị cáo là Lê Thị T2 bị bệnh di chứng nhồi máu não, đái tháo đường, dẫn tĩnh mạch chi dưới đang cần bị cáo chăm sóc.

Bị cáo Nguyễn Văn T không rút kháng cáo, bị cáo T thừa nhận hành vi vi phạm và đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Bị cáo T nhận tội, nhưng do Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 06 tháng tù là nặng, vì bị cáo T chỉ muốn giúp đỡ cha bị cáo là bị cáo Nguyễn Thanh N chờ lúa và gỗ trên ghe từ Campuchia về Việt Nam. Do vậy bị cáo T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, bởi vợ bị cáo không có nghề nghiệp và bị cáo phải nuôi hai con nhỏ, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn nhưng bị cáo cố gắng nộp án phí hình sự sơ thẩm, mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Buôn lậu” theo khoản 1 Điều 188 của Bộ luật hình sự và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo N và mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo. Bị cáo N kháng cáo xin hưởng án treo là có căn cứ bởi lẽ sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N có cung cấp các tài liệu, giấy tờ chứng minh bị cáo N và vợ bị cáo N là bà Lê Thị T2 đang bị bệnh, bị cáo N và bị cáo T là cha con nên cần thực hiện chính sách nhân đạo, bị cáo N đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Bị cáo T kháng cáo xin hưởng án treo, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, năm 2012 bị cáo T bị xử phạt 05 năm tù về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, 2013 được đặc xá nhưng bị cáo không ăn năn, hối cải lại tiếp tục phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới nên không có căn cứ cho bị cáo được hưởng án treo. Căn cứ vào Điều 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thanh N, giữ nguyên hình phạt 09 tháng tù

nhưng cho bị cáo N được hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng và không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm số: 23/2019/HS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Đỗ Thành S, là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh N và Nguyễn Văn T trình bày lời bào chữa: Thống nhất với bản án sơ thẩm về tội danh đối với hai bị cáo Nguyễn Thanh N và Nguyễn Văn T. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù hai bị cáo là chưa phù hợp. Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp cho bị cáo N được hưởng án treo vì bị cáo N có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, hiện tại vợ bị cáo đang bị bệnh, tài sản và phương tiện phạm tội bị tịch thu sung quỹ Nhà nước, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, sau khi xét xử sơ thẩm đến nay bị cáo không vi phạm pháp luật mới, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; về số lúa tịch thu có một phần của bị cáo N canh tác có được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại số lúa này cho bị cáo N. Không đồng thuận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T, bởi lẽ bị cáo T đủ điều kiện được hưởng án treo, bị cáo tự nguyện nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo là lao động chính phải nuôi vợ và 02 con nhỏ, sau khi xét xử sơ thẩm đến nay bị cáo không phạm tội mới nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho bị cáo T được hưởng án treo.

Bà Hồ Thị Xuân H1, là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh N và Nguyễn Văn T trình bày lời bào chữa: Thống nhất với lời bào chữa của ông Đỗ Thành S. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo N và T đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, cho bị cáo N được hưởng án treo. Bị cáo T chỉ giúp cha là bị cáo N vận chuyển lúa và gỗ, bị cáo T đã được xóa án tích, đủ điều kiện được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, cho bị cáo T được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thanh N thống nhất với lời trình bày của người bào chữa, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Về số lúa mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước thực tế có một phần của bị cáo N canh tác có được, nhưng bị cáo thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không phải xem xét nội dung này.

Bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất với lời trình bày của người bào chữa, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của các bị cáo N, T phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ căn cứ khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Tháp tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Buôn lậu” theo khoản 1 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là việc xuất, nhập khẩu hàng hóa được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến hàng hóa trong nước. Bị cáo là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, bị cáo nhận thức được mua lúa, gỗ mỹ nghệ tổng trị giá 279.340.000 đồng từ Campuchia qua cửa khẩu vào Việt Nam không làm thủ tục trình báo Hải quan cửa khẩu là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lợi nhuận mà bị cáo cố ý thực hiện tội phạm, thể hiện việc bị cáo xem thường pháp luật. Do đó phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo N là phù hợp. Xét mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét thấy bị cáo N có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội là người có công với cách mạng (bị cáo N tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 99/QĐ-BTL ngày 26/03/2010 của Bộ Tư lệnh Quân khu 9); bị cáo còn 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết bị cáo có mẹ là bà Nguyễn Thị T4 và anh trai là ông Nguyễn Văn T3 là người tham gia kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước khen thưởng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo là người cao tuổi (64 tuổi), kết quả X - Quang chẩn đoán bị cáo bị bệnh lý viêm nhiễm phổi chưa loại trừ lao; vợ bị cáo là bà Lê Thị T2 hiện cũng bị bệnh di chứng nhồi máu não, bệnh tăng huyết áp vô căn, bệnh đái tháo đường; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Từ những căn cứ trên, xét thấy bị cáo N đủ điều được hưởng án treo theo quy định của

pháp luật, nên chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thanh N.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là việc xuất, nhập khẩu hàng hóa được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến hàng hóa trong nước. Bị cáo là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định và nhận thức được vận chuyển trái phép lúa, gỗ mỹ nghệ tổng trị giá 279.340.000 đồng từ Campuchia qua cửa khẩu vào Việt Nam không làm thủ tục trình báo Hải quan cửa khẩu là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố ý thực hiện tội phạm, thể hiện việc bị cáo xem thường pháp luật. Do đó phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo T là phù hợp. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo là chưa phù hợp bởi lẽ đây không phải là lần đầu bị cáo T phạm tội, vấn đề này Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Xét mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo.

Bị cáo T kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải đi làm thuê để lo kinh tế nuôi vợ và 02 con, nhưng bị cáo chỉ trình bày lý do của việc kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét mà không cung cấp chứng cứ chứng minh, trong khi đó đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của bị cáo T chỉ được UBND xã P xác nhận nội dung trong đơn và chữ ký của Trưởng ấp là đúng. Xét thấy năm 2012 bị cáo T đã bị xử phạt 05 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo bản án hình sự phúc thẩm số 20/2012/HSPT ngày 09/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, được đặc xá ngày 30/08/2013, nhưng bị cáo không ăn năn hối cải mà tiếp tục phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”; về tình tiết bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng ngày 02/12/2019 theo biên lai thu tiền số 004801 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N để nộp án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên trách nhiệm chịu án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo chịu theo quy định của pháp luật; vợ bị cáo T sinh năm 1983 vẫn trong độ tuổi lao động, có thể lao động để nuôi hai con của bị cáo; bị cáo T không sinh sống cùng cha mẹ ruột là bị cáo N và bà T2, nên tình tiết bị cáo N và bà T2 bị bệnh không được xem xét; gia đình không có đất ở và đất canh tác chủ yếu sinh sống bằng nghề làm thuê không thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định nên các tình tiết này không được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đối với tội “Buôn lậu” và “Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới”, pháp luật hình sự có quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định áp dụng hay không áp dụng hình phạt bổ sung là thiếu sót.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thanh N, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm. Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với bị cáo N, giữ nguyên mức hình phạt tù đối với bị cáo T.

[6] Đối với trình bày lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh N và bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ một phần như đã nhận định trên nên chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Kháng cáo của bị cáo N được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo của bị cáo T không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thanh N.

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Buôn lậu”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Thanh N về Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GD-KT 1);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng GDKTNV-THA;
- TAND - VKSND huyện N;
- CCTHADS huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an H. N;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, HS (Nghĩa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng